

CHÍNH SÁCH HƯỚNG BIỂN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐÀNG TRONG (THẾ KỶ XVI - XVIII)

DƯƠNG VĂN HUY*

Là một quốc gia nằm ở vùng bán đảo, Việt Nam có đường bờ biển dài hơn 3.200 km. Bằng đường biển và giao thương trên biển, Việt Nam có quan hệ với nhiều quốc gia trong khu vực và mối quan hệ đó đã trở nên rộng mở vào thế kỷ XVI-XVIII khi các tuyến thương mại thế giới chạy qua vùng lãnh hải Việt Nam. Do vậy, tìm hiểu tính hướng biển của nước ta trong lịch sử không những là một vấn đề hấp dẫn mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong thời đại hiện nay. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc tìm hiểu về chính sách đối ngoại nói chung, và chính sách ngoại thương nói riêng của chúa Nguyễn Đàng Trong, vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Bài viết này muốn bước đầu tập trung vào tìm hiểu chính sách hướng biển của chính quyền Đàng Trong, một thể chế được kiến lập trên vùng đất mới, trong các thế kỷ XVI- XVIII.

1. Cơ sở cho sự lựa chọn chính sách hướng biển của chúa Nguyễn

Nằm ở khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa với vị trí địa lý thuận lợi, Đàng Trong có nhiều điều kiện cho cả sự phát triển nông nghiệp và thương mại quốc tế. Nằm trên tuyến chính của hải thương châu Á với các Con đường tơ lụa, gốm sứ và hương liệu trên biển, *kế thừa truyền thống thương mại từ thời Chămpa*, cùng với nhu cầu phát triển ngoại thương của chính quyền mới... đã tích hợp nên những nhân tố thuận lợi căn bản cho khu vực này. Hơn thế nữa, vùng Nam Trung Bộ cũng là một khu vực giàu có về tài nguyên với những nguồn thương phẩm có giá trị cao. Do đón nhận được những điều kiện phát triển thuận lợi, vào thế kỷ XVI- XVII, Đàng Trong đã nhanh chóng phát triển nền kinh tế ngoại thương của mình, thu hút nhiều thương nhân ngoại quốc đến buôn bán và hiển nhiên ngành kinh tế đối ngoại của chính quyền Đàng Trong cũng chịu sự chi phối mạnh mẽ của môi trường kinh tế và chính trị quốc tế.

* Dương Văn Huy, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Năm 1558, vì nhiều nguyên nhân, Nguyễn Hoàng con trai thứ của Nguyễn Kim đã được sự chấp thuận của Trịnh Kiểm vào trấn thủ khu vực Thuận Hoá. Sự ra đi đó của Nguyễn Hoàng trên thực tế đã mở ra một thế cục chính trị mới cho vùng đất này. Sau khi làm chủ được vùng Thuận - Quảng từ năm 1570, Nguyễn Hoàng và những người thân tín của ông đã tìm nhiều cách để chiêu dụ hiền tài, khuyến khích dân di cư, tích cực khai phá những vùng đất mới mở, rộng lãnh thổ của mình xuống phía Nam đồng thời thực thi một chính sách đối ngoại tích cực. Trong một thế cuộc chính trị hết sức phức tạp Nguyễn Hoàng đã đi đến một sự lựa chọn táo bạo mà cũng chính ông cũng chưa có nhiều kinh nghiệm là đặt cược thể chế của mình vào sự hưng vong của kinh tế ngoại thương⁽¹⁾. Là một người có tư tưởng khoan dung, giỏi thủy chiến, có tầm nhìn và tư duy chính trị nhạy bén, để thu phục nhân tâm trên vùng đất mới và tạo nên những kháng lực cần thiết chống lại thế lực Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, chính quyền Nguyễn đã thực thi một chính sách mở cửa, tiếp nhận những di sản truyền thống mà tiêu biểu là bản tính hướng biển của cư dân Champa⁽²⁾. Trong bối cảnh quốc tế thời đại bấy giờ, Đàng Trong cũng đã chủ động, tích cực hướng đến những thị trường và đối tác kinh tế lớn của khu vực và thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh... Nhờ đó, sức mạnh kinh tế của Đàng Trong đã có sự tăng trưởng nhanh chóng và về bản chất những chính sách đối ngoại mà Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn theo đuổi luôn cởi mở, rộng rãi hơn so với Đàng Ngoài.

Trong quá trình kiến lập chính quyền

trên vùng đất mới, khác hẳn với chính quyền Lê - Trịnh ở phía Bắc về cơ bản vẫn theo đuổi chính sách trọng nông, Nguyễn Hoàng đã sớm xác định rằng thể chế Đàng Trong không thể tồn tại và phát triển nếu chỉ dựa vào kinh tế nông nghiệp. Với ông, nhiệm vụ tiên quyết là phải xây dựng bằng được một chính thể độc lập với chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài. Chính thể đó phải dựa trên căn bản kinh tế thương nghiệp. Tuy nhiên, để củng cố vị thế của mình ở Đàng Trong, mở rộng lãnh thổ vào phía Nam, các chúa Nguyễn cũng đồng thời thực thi nhiều chính sách tích cực về nông nghiệp bằng cách thu phục lưu dân đến khai hoang và miễn giảm tô thuế.

Hiểu rõ tiềm năng kinh tế của Đàng Trong, các chúa Nguyễn đã có nhiều biện pháp để quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên này. Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục* nhà Sử học Lê Quý Đôn cho biết: "Xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu nhất thiên hạ. Người Thăng Hoa Điện Bàn biết dệt vải lụa vóc đoạn linh là, hoa màu khéo đẹp chẳng kém Quảng Đông, ruộng đồng rộng rãi, gạo lúa tốt đẹp, trầm hương, tốc hương, sừng tê, ngà voi, vàng bạc, đồi mồi, trai ốc, bông, sáp, đường, mật, dầu sơn, cau, hồ tiêu, cá muối, gỗ lạt, đều sản xuất ở đây"⁽³⁾. Những nguồn hàng quý và đa dạng đã hấp dẫn thương nhân các nước tới Đàng Trong buôn bán. Đó cũng chính là cơ sở phát kiến thương mại của Đàng Trong và sự nổi lên của nhiều thương cảng, mà tiêu biểu là Hội An.

Ngoài những mặt hàng quý có giá trị như trầm hương (kỳ nam), yến sào, quế, hồ tiêu... thì đây còn là nơi có nguồn vàng xuất khẩu với số lượng lớn. Chính vì vậy

mà giáo sĩ Cristoforo Borri đã không ngớt lời khen ngợi “xứ Đàng Trong có rất nhiều mỏ kim khí quý và nhất là vàng... các thương gia châu Âu đã có dịp tới đây, họ quyết rằng xứ Đàng Trong có nhiều của cải hơn Trung Quốc mà chúng tôi biết là rất dồi dào về mọi thứ”(4). Chính vì vậy mà “người ngoại quốc đủ bị quyến rũ bởi đất đai phì nhiêu và thêm muốn những của cải tràn đầy trong xứ họ. Không những người xứ Đàng Ngoài, xứ Campuchia và Phúc Kiến và mấy xứ lân cận đến buôn bán, mà mỗi ngày người ta còn thấy các thương gia đến những miền đất xa xôi như Trung Quốc, Macao, Nhật Bản, Manila và Macao. Tất cả đều đem bạc tới xứ Đàng Trong để đem hàng hóa của xứ này về”(5).

Mặt khác, một nhân tố rất quan trọng khác nữa thúc đẩy nền ngoại thương Đàng Trong phát triển đó là vị trí địa lý của nó trong luồng thương mại quốc tế, đặc biệt là trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của “Con đường tơ lụa trên biển” và “Con đường gốm sứ trên biển” có từ thời kỳ Chăm-pa. Từ khoảng thế kỷ VII-VIII, nơi đây đã trở thành địa chỉ hấp dẫn các thuyền buôn Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập... đến trao đổi buôn bán. Và “trong *Tân Đường thư, Địa lí chí*, ở thế kỷ VII- X, trên con đường biển từ Quảng Châu (Trung Hoa) đến Bagda (Ả Rập), thuyền bè quốc tế Trung Hoa, Ba Tư, Ả Rập, Srivijaya (Gia Va) bao giờ cũng ghé qua *Chiêm bát lao* (Cù Lao Chàm- Cửa Đại- Cửa Hàn), Lãng Sơn Môn Độc (Quy Nhơn), Cổ Đát quốc (Kauthara tức Nha Trang, Khánh Hoà), Bôn - đà - lăng (Panduranga tức Phan Rang- Phan Thiết). Người Chăm xuất khẩu trầm hương, hồ tiêu, ngọc, hồ

phác, tơ lụa, đồ thủy tinh... (và chỉ cấm xuất khẩu lúa gạo vì Trung bộ Việt Nam đất hẹp, ruộng ít). Người Chăm đào và xây hàng loạt giếng dọc ven biển miền Trung nước rất ngọt và trong để bán cho tàu thuyền quốc tế.... người Chăm có *cái nhìn về biển đúng đắn*, biết tham dự và dần thân tích cực vào luồng thương mại quốc tế trên biển. Biển Đông ở miền Trung khi đó được các tác giả Ả Rập- Ba Tư gọi và vẽ, ghi tên *Biển Chămpa*, trầm hương Chăm-pa, giới lái buôn quốc tế gọi là *canfi* được đánh giá là tốt nhất trên thế giới”(6).

Với một vị trí *Địa- thương mại* được xác lập từ sớm trong lịch sử(7), thương nhân các nước như Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập,... cũng đã quen thuộc với thị trường này. Đến thời kỳ thế kỷ XV- XVI, khi người Việt vào định cư với số đông thì các cảng này đã phục hưng thành những cảng Việt hưng thịnh.

Về độ trù mật của cảng thị, C.Borri đã viết: “về hải cảng thì thật lạ lùng, chỉ trong khoảng hơn trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn 60 cảng, tất cả đều thuận lợi để cập bến và lên đất liền”(8). Trong hệ thống bến cảng đó, thương cảng Hội An trở thành cửa ngõ thông thương quan trọng nhất Đàng Trong. Đây là một cảng sông ở cửa biển vốn đã phồn thịnh từ thời đại Chăm-pa. Khi chuyển sang cảng Việt, Hội An đã có những cơ hội phát triển mới và đã đạt đến sự phồn thịnh vào các thế kỷ XVI-XVII. Nếu nhìn vào bản đồ thương mại trong khoảng thế kỷ XV-XVII, thì Đàng Trong với cảng thị Hội An, gần như nằm ở trung tâm của khu vực thương mại thế giới. Điều đó cũng khẳng định rằng, thương cảng Hội An nằm ở vị trí chiến lược, là đầu mối quan trọng

trong mạng lưới giao thương khu vực và thế giới. Theo quan điểm của Keith W. Taylor thì đây là “một nơi đô hội được nhắc đến chỉ có thể ám chỉ địa điểm tập chung người Trung Quốc, Nhật Bản, Bồ Đào Nha và những người thương nhân khác, nơi được người Châu Âu biết đến với cái tên Faifo và được người Việt Nam hiện nay gọi là Hội An, nằm không xa về phía Nam của thành phố Đà Nẵng hiện đại. Cảng buôn này được đặt một cách thích hợp trên tuyến đường giữa Malacca và Macao, người Bồ Đào Nha đã thiết lập như những địa điểm trung gian quan trọng trên đường vào Trung Quốc và Nhật Bản trong nửa sau thế kỷ XVI⁽⁹⁾.”

Trở lại với những nhân tố nội tại trực tiếp ảnh hưởng đến thương mại Đàng Trong chúng ta thấy, các chúa Nguyễn luôn muốn xây dựng một chính quyền độc lập với chính quyền Lê-Trịnh Đàng Ngoài. Trong những cuộc giao tranh cả hai bên đã phải huy động những nguồn kinh phí lớn. Do vậy, để có tiềm lực kinh tế mạnh, đủ sức đương đầu với đối phương thì không còn cách nào khác các chúa Nguyễn phải huy động sức mạnh tổng lực trong đó ngoại thương giữ vai trò hết sức quan trọng. Mặt khác, đối với một chính quyền mới gây dựng ở một vùng đất mới, vốn không có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp, thì việc dựa vào ngoại thương là sự lựa chọn đúng đắn phù hợp với xu thế chung thời đại. Về vai trò của ngoại thương trong chính sách của chúa Nguyễn, Keith W. Taylor cho rằng “sự quan tâm đến ngoại thương của các chúa Nguyễn ở những mức độ nhiều ít khác nhau, nhưng chúng ta phải nhận thấy một điều, ngoại thương đối với các chúa

Nguyễn ở Đàng Trong không phải là mối quan tâm hàng đầu, mà Nguyễn Hoàng cùng như những người nối nghiệp ông không bao giờ điều hành các cảng buôn mà chỉ quản lý nó từ xa, đối với họ, đây chỉ là một nguồn làm giàu và không có gì hơn⁽¹⁰⁾. Quan điểm này cần phải phân tích chứng minh thêm, nhưng có một thực tế là trong những thời kỳ khác nhau, giữa các chúa Nguyễn, mức độ quan tâm với kinh tế thương nghiệp cũng có những khác biệt.

Để xây dựng một thể chế mạnh, chính quyền Đàng Trong có những chính sách thân dân và nới rộng cơ chế, cho công thương nghiệp và ngoại thương phát triển. Mặt khác, dựa vào các nguồn lực của ngoại thương, chúa Nguyễn đã tích cực xây dựng hệ thống quân sự mạnh. Do vậy, “cùng với việc thực thi một chính sách khai mở, thu phục nhân tâm, khơi dậy và khuyến khích mọi nhân tố phát triển mới thì việc xây dựng được một lực lượng quân sự mạnh và có tầm nhìn hướng biển mạnh mẽ đã tạo nên nền tảng căn bản giúp chúa Nguyễn có thể đứng vững và củng cố được địa vị vững chắc ở Đàng Trong⁽¹¹⁾.”

Chiến tranh Trịnh- Nguyễn kéo dài nửa thế kỷ đã tác động một cách mạnh mẽ đến xã hội Đàng Trong. Trước hết, nó làm tăng thêm hơn nữa tầm quan trọng của các lực lượng vũ trang trong xứ, và đặt ra vấn đề phải hiện đại hóa các lực lượng vũ trang này. Nhu cầu đó càng trở nên bức thiết trong điều kiện lực lượng của chính quyền Đàng Trong chỉ bằng một phần của họ Trịnh. Điều đó được thể hiện qua những bức thư gửi cho chính

quyền Nhật Bản hay các văn kiện về mối quan hệ giữa chúa Nguyễn với Macao,... tất cả đều thể hiện mối bận tâm chính yếu của họ Nguyễn là tiên và khí giới. Có thể nói, nhu cầu cấp bách của họ Nguyễn về khí giới trong đó có đại bác phương Tây là một trong những nguyên nhân trực tiếp kích thích nền ngoại thương của Đàng Trong⁽¹²⁾.

Cùng với những nguyên nhân trên thì sự hưng thịnh của ngoại thương Đàng Trong còn diễn ra trong một hoàn cảnh quốc tế có những điều kiện thuận lợi. Các công ty Đông Ấn phương Tây đang trên đà phát triển, khát khao tìm thị trường và sản phẩm hiếm quý ở phương Đông nhiệt đới. Cùng thời, ở Đông Á, Nhật Bản cũng đang tìm cách phát triển ngoại thương và mở rộng hoạt động xuống khu vực thị trường Đông Nam Á. Bên cạnh đó, ở Trung Quốc dưới triều Minh, đầu triều Thanh, ngoại thương có sự bùng nổ mạnh mẽ. Sau một thời gian đóng cửa, các con đường giao thương lại được phục hưng và phát triển mạnh mẽ. Hệ quả là, ở Đông Nam Á, hàng loạt các nhà nước cảng thị ra đời, nền kinh tế mang tính chất hướng biển và hội nhập mạnh mẽ. Chính những điều đó đã đặt ra cho Đàng Trong sự lựa chọn phải hội nhập với xu thế thời đại mới đối với thể chế của mình.

Từ thế kỷ XVI trở đi, cùng với sự xâm nhập của tư bản phương Tây, hoạt động thương mại của người Hoa, người Nhật, người Ấn Độ cũng trở nên sôi nổi. Sự hợp tác và cạnh tranh giữa họ tăng lên làm bùng nổ ngoại thương khu vực châu Á ven biển thế kỷ XV - XVII, mà người ta thường gọi là kỷ nguyên vàng của thương mại châu Á.

Cùng với sự phát triển mạnh của thương mại châu Á thế kỷ XV- XVII, Đông Nam Á là một mắt xích quan trọng trong hệ thống đó. Nền kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á trong đó có kinh tế sản xuất hàng hóa đã có sự phát triển rõ rệt. Bên cạnh nền nông nghiệp truyền thống giữ vai trò hết sức quan trọng đối với đất nước, thì hàng loạt các cảng thị ra đời trở thành những trung tâm thương mại liên khu vực và liên thế giới. Một số quốc gia trở thành nhà nước cảng thị với vai trò vượt trội của ngoại thương trong cơ cấu kinh tế của đất nước. Đối với các cảng thị lớn của khu vực như Malacca, Ayuthaya, Batavia,... còn là nơi tập trung nhiều cư dân, thương nhân của khu vực và thế giới. Chẳng hạn, ở Batavia theo thống kê của Hà Lan thì có: 2024 người Hà Lan, 726 người lai Âu - Á, 2.747 người Trung Quốc, 5.362 người Mardijker (lính Indônêxia nói tiếng Bồ Đào Nha), 1.339 người Moor (Hồi giáo Ấn Độ) và người Java, 611 người Mã Lai, 981 người Bali và 13.278 nô lệ trên tổng số dân cư của đô thị này là 27.068 người⁽¹³⁾.

Có thể nói rằng, sự bùng nổ của thương mại châu Á thời kỳ này với sự tham gia của nhiều thương nhân các nước như Hoa thương, Nhật thương, thương nhân phương Tây,... cùng với thị trường thương mại Đông Tây được nối thông và hoạt động mang tính chất thường xuyên và liên tục đã đem lại những thời cơ mới cho các nước trong khu vực Đông Nam Á. Chính quyền các nước trong khu vực đã biết lợi dụng những thời cơ mới do thương mại quốc tế đem lại mà làm phồn thịnh nền kinh tế quốc gia mình (trong đó có Đàng Trong), đồng thời, sự hưng thịnh hay suy thoái của ngoại thương các nước cũng

không nằm ngoài sự chi phối của hoạt động thương mại quốc tế.

Những điều kiện và chuyển biến trên đây đã khiến những người đứng đầu chính quyền Đàng Trong lựa chọn cho mình một con đường đi thích hợp. Con đường đó là lấy thương nghiệp làm chỗ dựa chính yếu và sự lựa chọn đó là giải pháp tối ưu cho một thể chế mới đang lên trong một bối cảnh quốc tế, khu vực có nhiều thuận lợi.

2. Chính sách hướng biển của chúa Nguyễn

Vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn đã có quan hệ với nhiều quốc gia trong đó có những cường quốc lớn nhất về thương mại biển. Trong lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ nền kinh tế hải thương lại có quan hệ mở rộng, đa dạng và phát triển hưng thịnh như thời kỳ này. Hầu hết các cường quốc kinh tế lúc bấy giờ, cả ở châu Á và châu Âu, đều đã thiết lập quan hệ trao đổi, buôn bán với Đàng Trong. Do có vị thế và thực sự theo đuổi một chủ trương kinh tế khai mở, lại phát triển trong bối cảnh kinh tế, chính trị khu vực có những thuận lợi nhất định, từ cảng Chiêm đã suy tàn, Hội An mau chóng phục hưng và trở thành một trung tâm thương mại lớn ở khu vực Đông Nam Á. Cảng thị này đã đóng vai trò của một *Trung tâm liên vùng* để cùng với Goa (Ấn Độ), Ayutthaya (Siam), Malacca (Malaixia), Batavia (Indonesia), Luzon, Manila (Philippines),... nối liền với Formosa (Đài Loan), Macao (Trung Quốc), Deshima (Nhật Bản) để tạo nên một hệ thống thương mại có độ liên kết khá chặt chẽ và

tương đối hoàn chỉnh của châu Á⁽¹⁴⁾.

Như nói ở trên, do nhu cầu về tài chính để có thể xây dựng một thể chế mạnh đủ sức đối đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài và phát triển mạnh lãnh thổ về phương Nam mà các chúa Nguyễn khuyến khích các thương nhân nước ngoài đến buôn bán. Theo Cristophoro Borri thì: "họ dễ dàng cho người ngoại quốc vào hải cảng của họ và họ thích thú thấy người ta tới buôn bán trong lãnh thổ của họ, không những từ những nước và tỉnh lân cận mà từ những thứ rất xa" và "chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả các người ngoại quốc"⁽¹⁵⁾. Điều đáng chú ý là, đối với thương nhân mỗi quốc gia hay khu vực chính quyền Đàng Trong có những chính sách khác nhau.

Đối với các thương thuyền từ thị trường Đông Bắc Á đến Đàng Trong buôn bán, chúa Nguyễn có những ưu đãi đặc biệt, như Cristophoro Borri nhận xét: "chúa Đàng Trong trước kia cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm và nơi thuận tiện để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này gọi là Faifo (Hội An), một thành phố lớn đến độ người ta có thể nói được là hai thành phố, một phố người Tàu và một phố người Nhật. Mỗi thành phố có khu vực riêng, có quan cai trị riêng, và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu và người Nhật cũng vậy"⁽¹⁶⁾.

Đối với các *Châu ấn thuyền* (1592-1635) Nhật Bản, chúa Nguyễn có những biện pháp trọng đãi trong buôn bán bởi Nhật Bản là thị trường có sức mua lớn và là quốc gia xuất khẩu đồng, tiền đồng với

chủ yếu đến Đàng Trong. Hơn nữa, chính quyền Đàng Trong cũng muốn tranh thủ khả năng võ nghệ cũng như vũ khí của người Nhật để giành ưu thế quân sự với Đàng Ngoài. Chúa Nguyễn đã dành cho người Nhật định cư ở những vị trí thuận tiện nhất cho việc buôn bán ở Hội An và các thương cảng khác. Vào giữa thế kỷ XVII, tại khu phố dành cho người Nhật có chừng 60 gia đình sinh sống, tức là có khoảng trên 200 người sống và làm ăn buôn bán. Đứng đầu khu phố là trưởng khu. Chúa Nguyễn thường giao cho trưởng khu phụ trách các công việc như: cảng vụ, thuế vụ và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động trong khu phố⁽¹⁷⁾. Do có sự tin cậy, vị trưởng khu đầu tiên được công nhận vào năm 1618 là một nhà buôn kiêm chủ tàu tên là Furamoto Yashiro. Vào thế kỷ XVII, khi “Những phố Nhật ở Phnom Penh bị tàn phá, người Nhật ở Ayutthaya bị tàn sát, xua đuổi, duy chỉ có ở Hội An, lúc tồn tại được chính quyền ưu đãi”⁽¹⁸⁾.

Trong buôn bán với Nhật Bản, chúa Nguyễn thường đóng vai trò chủ động, khuyến khích người Nhật đến buôn bán, và sự có mặt của những thương thuyền Nhật ở Đàng Trong đã “đem lại cho chính quyền Đàng Trong một cơ hội vàng vào chính lúc họ cần hơn hết và các nhà lãnh đạo thực dụng họ Nguyễn cũng đủ khéo léo để chớp lấy cả hai tay”⁽¹⁹⁾. Sự nhập cuộc của các chúa Nguyễn ngay từ buổi đầu khởi nghiệp ở vùng đất này, Nguyễn Hoàng vị chúa đầu tiên đã đặt quan hệ và duy trì quan hệ tốt đẹp với Nhật Bản. Ông đã chủ động một cách khác thường thông qua hành động nhận Hunamoto Yabeije - một thương gia và cũng là phái viên đầu tiên của chính quyền Tokugawa tới Đàng

Trong làm con nuôi (vào năm 1604). Nguyễn Hoàng tiếp tục củng cố quan hệ này bằng hai lá thư gửi cho chính quyền Nhật Bản báo tin ông đã nhận Hunamoto Yabeije làm con nuôi và yêu cầu chính quyền Nhật Bản cử ông này trở lại Đàng Trong một lần nữa cùng với đoàn thuyền buôn Nhật Bản.

Đến năm 1611, Nguyễn Hoàng lại gửi một bức thư cho Kato Kiyamasa và khẳng định sự quan tâm và thái độ tích cực trong kinh tế thương mại nhân sự kiện một chiếc thuyền Nhật Bản đến Siam bị gặp nạn: “Tôi nghe nói là Siam đang lộn xộn và tôi không thể chấp nhận để chiếc tàu này gặp rắc rối, do đó, tôi đã mời họ ở lại đây buôn bán và tôi đã đổi xử với họ một cách chân thành. Và bởi vì lúc này tàu bị rời bến, tôi xin gửi tới ngài một số tặng phẩm nhỏ. Nếu ngài cảm thấy có ý thiện về chúng tôi, tôi xin ngài cho tàu trở lại xứ chúng tôi năm sau”⁽²⁰⁾. Đến thời Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635), chúa Nguyễn còn tìm cách đẩy các mối quan hệ này đi xa hơn nữa. Vào năm 1619, ông gả con gái cho một thương gia người Nhật khác tên là Araki Sotao, người con rể mới này lấy tên Việt Nam và trở thành hoàng thân ở Đàng Trong.

Nếu trước chiến tranh Trịnh- Nguyễn (trước năm 1627), họ Nguyễn đã bày tỏ nhiều thái độ thân thiện với chính quyền Nhật Bản thì khi chiến tranh xảy ra trong những bức thư gửi chính quyền Nhật Bản, Đàng Trong đều thể hiện sự lo lắng về tác động của cuộc chiến đối với quan hệ thương mại. Trong số bốn bức thư gửi cho chính quyền và thương gia Nhật Bản vào năm 1628, chúa Nguyễn đều yêu cầu Nhật Bản tiếp tục duy trì quan hệ buôn

bán với Đàng Trong. Yêu cầu này liên tiếp được lặp lại cho tới năm 1635, năm cuối cùng trước khi Nhật Bản thực thi chính sách toả quốc (*sakoku*). Trong thời kỳ *Châu ấn*, khoảng 1/4 số thuyền buôn của Nhật Bản đến Đông Nam Á đã đến buôn bán với Đàng Trong. Con số này cho thấy rõ tầm quan trọng của Đàng Trong trong nền thương mại với Nhật Bản. Mặt khác, đối với họ Nguyễn, buôn bán ở thời điểm này có ý nghĩa khác hơn là làm giàu. Nó đã trở thành vấn đề sống chết⁽²¹⁾.

Với những chính sách thu hút thương gia Nhật Bản như vậy, Đàng Trong đã trở thành một bạn hàng quan trọng đối với Nhật. Việc buôn bán với Nhật Bản cũng rất quan trọng đối với Đàng Trong, nhất là đối với những mặt hàng phục vụ cho chiến tranh. Tuy nhiên, Nhật Bản không phải là bạn hàng duy nhất. Sau năm 1635, do tác động của chính sách toả quốc, thuyền buôn của Trung Quốc đã tranh thủ chiếm lĩnh thị trường Đàng Trong và tuyến buôn bán Nam Trung Hoa và Đàng Trong trở thành tuyến chính trong hoạt động ngoại thương Đàng Trong suốt thời gian sau đó.

Với thị trường Đàng Trong, ngay từ buổi đầu, đã có sự xuất hiện của Hoa thương, chính quyền Đàng Trong dành cho họ những ưu đãi đặc biệt trong hoạt động thương mại, hầu hết các bến cảng, các trung tâm thương mại đầu mối thông thương đều có mặt Hoa thương và chính quyền tạo điều kiện cho họ xây dựng những khu phố thương mại của mình để thuận lợi hơn cho buôn bán. Chúa Nguyễn không chỉ đã dùng cả người Nhật và người Hoa vào công việc buôn bán mà còn sử

dụng họ trong một số hoạt động của chính quyền. Là những người khéo léo trong buôn bán, thông hiểu thị trường khu vực trong đó có thị trường Đàng Trong nên giới Hoa thương đã chiếm lĩnh được thị trường Đông Nam Á, chi phối hầu hết mối thương mại quan trọng trong khu vực. Trong bối cảnh đó, Hoa thương đã được chính quyền bản địa các nước sử dụng như những nhân tố quan trọng để phát triển nền ngoại thương của mình.

Do tác động của chính sách Hải cấm của các chính quyền Minh (1368-1644), Thanh (1644-1911) nhiều hoạt động của thương nhân Trung Hoa ở Đông Nam Á đã gặp những trở ngại. Nhưng, cũng có một thực tế là, cùng với những thương thuyền được cấp giấy phép buôn bán (buôn bán quan phương) thì vẫn còn có những thương thuyền không được chính quyền Trung Quốc cấp giấy phép (buôn bán phi quan phương) vẫn ngấm ngấm kéo đến Đông Nam Á. Đến năm 1567, Minh Mục Tông thực hiện lệnh bãi bỏ chính sách Hải cấm, cho thuyền buôn đến Đông Nam Á buôn bán, việc thông thương giữa Đàng Trong và Trung Quốc đã thực sự chuyển sang giai đoạn mới. Theo đó, số thương thuyền của người Hoa từ các nước Đông Nam Á đến Nhật Bản vào các năm từ 1647 đến 1720 cho thấy khoảng 30% số thuyền này đến từ Quảng Nam⁽²²⁾.

Đối với các thương nhân phương Tây, chính quyền Đàng Trong có những thái độ không giống nhau. Đầu thế kỷ XVII, các thương nhân người Hà Lan và người Anh, sau nhiều cố gắng để xác lập một vị trí chắc chắn ở Đàng Trong nhưng kết quả là kế hoạch bất thành. Không còn cách nào

khác, họ phải tìm đến thị trường Đàng Ngoài và một số khu vực khác ở châu Á. Tại đó, Công ty Đông Ấn Hà Lan và Công ty Đông Ấn Anh đã thu được những món lợi lớn trong buôn bán. Việc Hà Lan có những giao thiệp với chúa Trịnh Đàng Ngoài khiến cho các chúa Nguyễn ở Đàng Trong nghi ngờ và không cho họ buôn bán ở xứ sở của mình.

Trong khi đó, với Bồ Đào Nha, việc buôn bán với Đàng Trong có nhiều thuận lợi. Sau chuyến đi mở đầu đến cảng Champa vào năm 1516, Bồ Đào Nha đã có cuộc tiếp xúc chính thức đầu tiên với bờ biển Champa năm 1523. Từ năm 1540 người Bồ Đào Nha đến Đàng Trong một cách đều đặn. Như vậy, họ là những người phương Tây tới Đàng Trong sớm nhất và có quan hệ khá mật thiết với chính quyền sở tại. Vào năm 1584, đã có một số người Bồ Đào Nha sống ở Đàng Trong. Việc buôn bán với Đàng Trong tỏ ra rất phụ thuộc vào quan hệ buôn bán giữa Macao và Nhật Bản đầu thế kỷ XVII. Về phía người Bồ, việc buôn bán với Đàng Trong chỉ trở lên quan trọng từ năm 1640, khi họ không còn được buôn bán với Nhật Bản và do đó, thương nhân Bồ Đào Nha đã hướng mạnh về thị trường Đông Nam Á. Về phía họ Nguyễn, việc buôn bán với người Bồ chỉ có ý nghĩa thực sự khi xảy ra chiến tranh với họ Trịnh ở Đàng Ngoài, bởi vì đại bác là mặt hàng quan trọng nhất trong việc trao đổi giữa hai bên. Các nhà cầm quyền họ Nguyễn rất lo lắng làm sao để có được súng từ xưởng đúc súng nổi tiếng của Bocarro ở Macao. Xưởng này hoạt động vào các năm từ 1627 đến 1680 và sản xuất ra các sản phẩm được nhìn nhận là loại súng đồng tốt nhất lại phương Đông⁽²³⁾.

Chính nhu cầu cao về vũ khí của Bồ Đào Nha cung cấp mà chúa Nguyễn đã để cho người Bồ được buôn bán ở đây thuận lợi hơn. Vì thế mà Cristophoro Borri nhận xét rằng: “chúa Đàng Trong vẫn tỏ ra thích để cho người Bồ đến buôn bán ở nước ngoài một cách lạ lùng. Và đã mấy lần ngài cho họ ba hay bốn địa điểm ở nơi phì nhiêu nhất và phong phú nhất trong vùng hải cảng Đà Nẵng, để họ xây cất một thành phố, với tất cả những gì cần thiết, cũng như người Tàu và người Nhật đã làm”⁽²⁴⁾.

Đối với thương nhân các nước Đông Nam Á, trong quan hệ với Đàng Trong, họ bị Hoa thương, Nhật thương và thương nhân phương Tây lũng đoạn đầu tư các mối thương mại. Vì thế, hoạt động kinh tế của các thương nhân khu vực với Đàng Trong có phần hạn chế. Về phần mình, chúa Nguyễn cũng đã chủ động cử một số thương thuyền đến các cảng thị khu vực buôn bán. Thuyền của Đàng Trong đến Manila vào năm 1620 và cũng đến Batavia đều đặn trong thời gian này. Năm 1632, chúa Nguyễn còn cho một chiếc thuyền đi Siam mang theo một số bạc lớn gồm 10.000 nén⁽²⁵⁾. Qua đó có thể thấy, chính quyền Đàng Trong rất cố gắng trong việc mở rộng các mối quan hệ với các quốc gia khu vực.

Nhờ có những chính sách cởi mở về ngoại thương của các chúa Nguyễn mà hàng năm thương thuyền đến Đàng Trong buôn bán rất nhộn nhịp. Nhờ đó, “Chúa thu được lợi nhuận lớn trong việc buôn bán này bằng thuế hàng hóa và thuế hải khẩu ngài đặt ra và cả nước đều kiếm được rất nhiều mối lợi không thể tả hết”⁽²⁶⁾. Trong *Hải Ngoại ký sự*, Thích Đại

Sán đã dẫn lời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725) khi được chúa cho biết tình hình ngoại thương năm 1695: “các năm trước thuyền ngoại dương đến buôn bán, mỗi năm chừng sáu, bảy chiếc, năm nay số thuyền lên tới mười sáu, mười bảy chiếc, trong nước nhờ đó mà được tiêu dùng dư dật”⁽²⁷⁾. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, sự thịnh vượng của một quốc gia lệ thuộc ở thương gia chứ không chỉ ở nông dân⁽²⁸⁾.

Nhờ có những nguồn lợi lớn từ ngoại thương mà nhiều bộ phận trong xã hội trở lên có cuộc sống sung túc. Họ cũng quen sử dụng những vật phẩm cao cấp, ngoại nhập. Theo như Lê Quý Đôn thì “quan viên lớn nhỏ không ai là không nhà cửa chạm gót, tường vách gạch đá, the màn trướng đoạn, đồ đạc đồng thau, bàn ghế gỗ đàn, gỗ chắc, chén mâm đồ sứ, đồ hoa, yên cương vàng bạc, y phục gấm vóc, chiếu đệm mây hoa, phú quý phong lưu, đua nhau khoe đẹp. Những sắc lụa ở dân gian cũng mặc áo đoạn hoa bát ty và áo sa, lương, địa làm đồ mặc ra vào thường, lấy áo vải áo mộc làm hổ thẹn. Binh sỹ đều ngồi chiếu mây, dựa quả tựa hoa, ôm lò hương cổ, ham chè hảo hạng, uống chén sứ bịt bạc và nhổ ống nhổ thau, đĩa bát ăn uống thì không cái gì không phải hàng Bắc. Một bữa cơm ba bát lớn. Đàn bà con gái thì đều mặc áo the và hàng hoa, thêu hoa ở cổ tròn. Coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực”⁽²⁹⁾.

3. Một vài nhận xét, đánh giá

Sự phát triển của hệ thống thương mại châu Á cùng với sự gia tăng tiếp xúc giữa các quốc gia, khu vực và châu lục đã đem

lại cho Đàng Trong những cơ hội mới để phát triển nền ngoại thương của mình. Trong điều kiện lịch sử có nhiều nét đặc thù, các chúa Nguyễn đã thực hiện một chủ trương khai mở trong quan hệ đối ngoại và ban hành các chính sách kinh tế - xã hội. Nhận thức rõ những chuyển biến thuận lợi của thời đại đem lại, các chúa Nguyễn đã nắm lấy thời cơ quý báu, đẩy mạnh hoạt động khai thác và sản xuất trong nước, mở rộng quan hệ giao thương đồng thời khuyến khích các thương nhân nước ngoài đến buôn bán. Do các hoạt động kinh tế rộng mở đó, thị trường kinh tế Đàng Trong đã có thể nối liền với thị trường thương mại quốc tế. Điều đó đã đem lại cho chúa Nguyễn sức mạnh để xây dựng được một chính thể cường thịnh đủ sức chống chọi với thế lực họ Trịnh ở Đàng Ngoài và mở rộng lãnh thổ của mình về phương Nam.

Lần đầu tiên trong lịch sử phong kiến Việt Nam, chính quyền nhà nước coi trọng vai trò của ngoại thương, *đặt ngoại thương như một nhân tố sống còn của nền kinh tế địa phương*⁽³⁰⁾. Tính chất hướng biển mạnh mẽ của chúa Nguyễn thể hiện một tầm nhìn mới và đồng thời cũng kế thừa, phát huy năng lực và truyền thống khai thác biển của vương quốc Chăm-pa, một thể chế biển đã từng tồn tại trên dải đất miền Trung vốn có quan hệ bang giao rộng mở.

Tuy vậy, ngoại thương của Đàng Trong giai đoạn đầu chủ yếu chỉ là một thị trường xuất khẩu những sản phẩm khai thác từ tự nhiên. Mặt khác, nguồn hàng tiêu thụ chủ yếu là những hàng thủ công của Trung Quốc. Đến khoảng đầu thế kỷ

XVII, trong bối cảnh quan hệ quốc tế đã trở nên rộng mở và nhiều ngành sản xuất thủ công đã có những phát triển trội vượt, chính quyền Đàng Trong đã ngày càng chủ động hơn trong các mối quan hệ đối ngoại. Tuy nhiên, những phát triển đó cũng đã không thể dẫn đến những chuyển biến về chất đối với xã hội Đàng Trong. Hàng hoá xuất khẩu sau một thời gian khai thác mạnh mẽ đã trở nên cạn kiệt hoặc ít có giá trị thương mại. Mặt khác, do đặc tính của kinh tế ngoại thương thường phụ thuộc khá nặng nề vào môi trường kinh tế khu vực và quốc tế nên đến cuối thế kỷ XVIII, khi hệ thống thương mại thế giới trong đó có hệ thống thương mại châu Á bị suy thoái thì tiềm lực kinh tế của Đàng Trong cũng bị suy giảm nghiêm trọng. Để bù đắp cho những thiếu hụt về tài chính và nuôi dưỡng bộ máy hành chính ngày càng nặng nề, chính quyền Nguyễn đã thực thi nhiều biện pháp tiêu cực như tăng mức thuế đối với các thuyền buôn ngoại quốc đồng thời với việc tăng thuế vào các nguồn thương phẩm xuất khẩu. Bên cạnh đó, chính quyền Đàng Trong cũng ra sức đẩy mạnh việc khai thác và mở rộng ảnh hưởng xuống khu vực châu thổ Mekong. Với quyết định đó, Đàng Trong đã tự mình từng bước trở thành một thể chế nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong ba thế kỷ tồn tại, sự phát triển của kinh tế ngoại thương của Đàng Trong đã dẫn đến những tác động sâu sắc đối với đời sống kinh tế - xã hội. Đàng Trong đã dự nhập mạnh mẽ vào nhiều hoạt động kinh tế, đối ngoại khu vực. Các hoạt động kinh tế và bang giao đó đã không chỉ giúp cho chính quyền Thuận Hoá giữ vững được thể chế của

minh mà còn bổ sung và viết tiếp những trang huy hoàng trong lịch sử thương mại dân tộc./.

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Văn Kim: *Xứ Đàng Trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực*, Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2006, tr. 22
2. Trần Quốc Vượng: *Mấy nét khái quát cổ xưa về cái nhìn về Biển của người Việt*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1, 1993, tr.12.
3. Lê Quý Đôn: *Phủ biên Tạp Lục*, quyển VI, Nxb KHXH, 1977, tr. 337.
- 4, 5. Cristoforo Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb TP.HCM, 1998, tr. 36, 89
6. Trần Quốc Vượng: *Mấy nét khái quát lịch sử cổ xưa về cái nhìn về biển của Việt Nam*, Nghiên cứu Đông Nam Á số 1, 1993, tr.5.
7. Qua những khai quật nghiên cứu khảo cổ học Miền Trung nói chung và Chămpa nói riêng đã góp phần làm rõ những mối liên hệ thương mại của khu vực này với thế giới. Việc phát hiện và khai quật hai di chỉ Bãi Làng (Cù Lao Chàm, Quảng Nam) năm 1998, 1999 và Nam Thổ Sơn (Ngũ Hoành Sơn, Đà Nẵng) năm 2000 đã cung cấp tư liệu chứng minh cho sự tồn tại của một thương mại biển của Chămpa trong lịch sử - một nền kinh tế được thừa nhận là đóng vai trò then chốt của nền kinh tế Chămpa. Qua những đợt thám sát khai quật đó các nhóm hiện vật rất đa dạng bao gồm: nhiều loại gốm Chăm; gốm sứ Trung Quốc như gốm Đường; (bên cạnh đó cũng có nhiều loại gốm Đường phát hiện được ở nhiều nơi thuộc khu vực Đông Nam Á). Việc phát hiện số lượng phong phú gốm Đường ở Cù Lao Chàm, một mặt phản ánh vị thế của cụm đảo này trên tuyến buôn bán trên Biển từ Đông sang Tây trong nhiều thế kỷ, mặt khác thể hiện quá trình

- chuyển dịch mạng trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc từ vàng, bạc, tơ lụa,... sang các sản phẩm gốm sứ thế kỷ VII, khi con đường buôn bán trên đất liền của Trung Quốc sang Tây Á, Địa Trung Hải ngày càng sa sút và người Trung Quốc quay sang dùng thuyền quay xuống buôn bán ở vùng biển phía Nam. Vào thời điểm đó, phương thức vận chuyển chủ yếu của hàng hoá Trung Quốc xuống Đông Nam Á là chủ yếu dùng thuyền mảnh, nên các đảo và cửa biển ở duyên hải miền Trung Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng hơn. Trong bối cảnh đó, Lâm Ấp phố (Hội An ngày nay) và Cù Lao Chàm với vị thế thuận lợi của mình đã vươn lên thành trung tâm buôn bán quốc tế quan trọng của Champa trong nhiều thế kỷ sau đó. Bên cạnh đó, những cuộc khai quật này cũng phát hiện được nhiều hiện vật có nguồn gốc Tây Á như gốm sứ Islam, thủy tinh Islam; Mặt khác, phát hiện được nhiều hiện vật ở Đông Nam Á,... Những phát hiện khảo cổ học đó đã góp phần khẳng định được vị trí thương mại quan trọng của những thương cảng khu vực Đàng Trong trên "con đường tơ lụa và gốm sứ quốc tế" từ Đông sang Tây.
8. Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb TP. HCM, 1998, tr. 91.
 9. Keith W.Taylor: *Nguyễn Hoàng và bước khởi đầu cuộc Nam tiến*, Xưa nay, số 104, 2001.
 10. Keith W.Taylor: *Nguyễn Hoàng và bước khởi đầu cuộc Nam tiến*, Xưa nay, số 104, 2001.
 11. Nguyễn Văn Kim: *Xứ Đàng Trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực*, Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2006, tr. 21, 22.
 12. Xem Li tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ, 1999, tr. 60.
 13. Charles Ralph Boxer: *The Dutch Seaborn Empire 1600- 1850*, Penguin Book Press, London, 1965, p. 225.
 14. Nguyễn Văn Kim: *Xứ Đàng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực*, Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2006, tr.23.
 - 15, 16. Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb TP. Hồ Chí Minh. 1998, tr. 88, 92.
 17. Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản thế kỷ XVI- XVII (góp thêm một số tư liệu và nhận thức mới)*, trong *Nhật Bản với châu Á- những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế, xã hội*. Nxb DHQGHN, 2003, tr.132.
 18. Đỗ Bang- Đỗ Quỳnh Nga: *Ngoại thương Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614- 1635)*, Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2002, tr 31.
 19. Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế- xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ 1999, tr 93.
 20. *Minh Đô Sử*, tư liệu lưu trữ tại Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQHN.
 21. Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế- xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ 1999, tr 95.
 22. Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế- xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ 1999, tr 100.
 23. Xem Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế- xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ 1999, tr 106,107.
 24. Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb TP. Hồ Chí Minh. 1998, tr. 93.
 25. Journal of Brownuer Shaven and Sloterdick in 1633, trích từ Iwa, tr. 263,264, dẫn theo Đỗ Bang- Đỗ Quỳnh Nga: *Ngoại thương Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614- 1635)*, Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2003, tr.32.
 26. Cristophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb TP. Hồ Chí Minh. 1998, tr. 90.
 27. Thích Đại Sán: *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế, 1963, Q.3, tr 126.
 28. Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế- xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ 1999, tr.125.
 29. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, HN, 1977, tr.335.
 30. Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế- xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ 1999, tr.147.